TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN D** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HS-ST
Ngày 22-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Cao Thành Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Kim Dũng

Ông Ngô Văn Thành

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Dung - Thư ký Toà án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2022/HSST ngày 26 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh ngày 03-11-1967 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ 04, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề ngH: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị C, có vợ là Nguyễn Thị Thanh T. Có 3 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09-5-2022; có mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Quang C, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Công H, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Phạm Khắc Q, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Thanh T, có mặt.

5. Chị Trần Minh T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ ngày 03/4/2022, do mâu Tẫn trong gia đình nên Trần Văn T đã đánh vợ là Nguyễn Thị Thanh T và con gái Trần Minh T tại nhà ở của mình số 91 đường Vọng Hải, phường H, sau đó T đi đám cưới đến hơn 10 giờ về nhà rồi lại đi uống bia ở quán. Do lo sợ chồng uống rượu bia bị say về nhà lại tiếp tục đánh vợ con nên chị T đã gọi điện trình báo sự việc và đề nghị Công an phường H đến giải quyết.

Nhận được trình báo của chị T, lãnh đạo Công an phường H đã phân công tổ công tác gồm trung úy Nguyễn Quang C, mặc trang phục Cảnh sát nhân dân; thiếu úy Nguyễn Công H, mặc trang phục dân sự và ông Phạm Khắc Q là cán bộ bảo vệ dân phố phường H đến nhà chị T. Khi tổ công tác đang làm nhiệm vụ xác minh thông tin vụ việc chị T trình báo và hướng dẫn chị T đến trụ sở Công an phường để làm thủ tục tiếp nhận thì Trần Văn T đi về, T hỏi lý do tổ công tác có mặt tại nhà mình thì được tổ công tác giải thích đến làm việc theo trình báo của chị T. Nghe xong, T đi vào bếp lấy 01 con dao phay cầm ở tay phải đi về phía tổ công tác nói "*Tao làm gì mà chúng mày đến nhà tao",* thấy T cầm dao, tổ công tác đã yêu cầu dừng lại nhưng T vẫn lao vào đuổi trung úy Nguyễn Quang C và chị T mục đích không cho tổ công tác làm việc với chị T. T cầm dao đuổi trung úy C khoảng 40m nhưng không đuổi được nên T quay lại tiếp tục đuổi hai thành viên còn lại của tổ công tác nhưng cũng không đuổi kịp, T dừng lại vào quán nhà anh Đỗ Văn T ở tổ 4, phường H để con dao xuống rồi tiếp tục ngồi uống bia. Ngay sau đó lực lượng Công an phường đã khống chế đưa T về trụ sở giải quyết.

Quá trình điều tra, Trần Văn T khai nhận như nội dung nêu trên, mục đích T dùng dao đuổi chị T và tổ công tác để ngăn cản không cho chị T làm việc với tổ công tác, lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản vụ việc, lời khai của người làm chứng, vật chứng T giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ.

Vật chứng của vụ án: 01 con dao bằng kim loại tối màu, hình chữ nhật kích thước lưỡi dao 39x9cm, cán gỗ dài 14 cm chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận D quản lý phục vụ xét xử.

Tại bản cáo trạng số: 18/CT-VKS ngày 25-7-2022, Viện kiểm sát nhân dân quận D, Hải Phòng đã truy tố Trần Văn T về tội: "Chống người thi hành công vụ" theo khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung cáo trạng, bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 330; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T với mức án từ 18 đến 21 tháng cải tạo không giam giữ. Đề nghị

miễn việc khấu trừ T nhập đối với bị cáo vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận D, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.1] Về tư cách tham gia tố tụng trong vụ án: Trong vụ án này bị cáo có hành vi chống người thi hành công vụ. Tuy nhiên do bị cáo chưa gây thiệt hại cho những người thi hành công vụ và những người thi hành công vụ cũng không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên những người thi hành công vụ tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người làm chứng.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản vụ việc, phù hợp với lời khai những người làm chứng, vật chứng T giữ được cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 03-4-2022, tại trước cửa số nhà 91 đường Vọng Hải, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng, bị cáo đã cầm dao đuổi, đe dọa dùng vũ lực đối với tổ công tác Công an phường H, nhằm mục đích cản trở không cho tổ công tác Công an phường H thực hiện được nhiệm vụ xác minh, T thập chứng cứ về hành vi vi phạm pháp luật của Trần Văn T. Như vậy, bị cáo đã dùng vũ lực cản trở người thi hành công vụ thực hiện nhiệm vụ, xâm hại hoạt động bình thường của cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực quản lý hành chính. Hành vi của bị cáo đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội "Chống người thi hành công vụ" theo khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân quận D truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và Tộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự được áp dụng đối với bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính, cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương, do vậy việc bị cáo dùng vũ lực chống đối, ngăn cản các đồng chí công an làm nhiệm vụ cần phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo để xem xét áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nên không cần thiết phải buộc bị cáo phải cách ly xã hội mà có thể áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự như đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, đồng thời còn thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[6] Bị cáo bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định pháp luật còn phải khấu trừ T nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước, song xét bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên miễn khấu trừ T nhập cho bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 con dao bằng kim loại là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch T tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 330; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Văn T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Chống người thi hành công vụ". Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho UBND phường H, quận D, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường H, quận D, thành phố Hải Phòng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn việc khấu trừ T nhập đối với bị cáo.

Bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự:

Người chấp hành án có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian chấp hành án, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người chấp hành án khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người chấp hành án khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người chấp hành án vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc trong quân đội thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người chấp hành án không được xuất cảnh trong thời gian chấp hành án.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử: Tịch T tiêu hủy 01 con dao bằng kim loại tối màu, hình chữ nhật kích thước lưỡi dao 39x9cm, cán gỗ dài 14cm (theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố Hải Phòng).

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các điều 331 và điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận D;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Công an quận D;
- Cơ quan THAHS quận D;
- PV06 và PC10 CATP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- TANDTP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thành Ngọc